

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424 /2018/HNGĐ – ST
Ngày: 29- 11- 2018
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Xuân

2/ Ông Nguyễn Thành Lam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lệ Thanh thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử B của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Phan Hoàng Thái Tường V** - sinh năm: 1990; Trú tại: tổ 11, ấp L Th, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Quốc H** - sinh năm: 1987; Trú tại: Số nhà 919 tổ 10, ấp Tr H Đ, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

- **Người làm chứng:** Bà Dương Thị H– sinh năm : 1965; Trú tại : Số 919 tổ 10, ấp Tr H Đ, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai. (mẹ đẻ anh H)

(Chị V có mặt; anh H, bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2018, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Hoàng Thái Tường V trình bày:

Chị V và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai vào ngày 01/02/2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ăn chơi, cờ bạc, rượu chè, về nhà anh còn chửi bới xúc phạm chị, nhiều lần anh H đã đánh chị nhưng không để lại thương tích, anh H có tính gia trưởng, mỗi lần chị bị anh H đánh chị không giám nói với ai.

Tài sản chung của vợ chồng, anh H mang đi cầm cố lấy tiền đánh bài. Ngoài ra anh H có tính nóng nảy một lần anh đi đánh nhau với người khác dẫn đến chị và cha chồng phải đi bồi thường và một lần chị mới sinh song phải ra xã Xuân Thạnh đóng tiền phạt cho anh H về tội anh gây thương tích cho người khác. Chị V đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Hiền không nghe.

Ngoài ra anh H không nghề nghiệp, chị và anh H đã sống ly thân, từ tháng 02/2018 đến nay chị về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng trái ngược nhau, anh H thường xuyên gây gỗ, cãi vã và xúc phạm lẫn nhau, do anh Hiền thường xuyên uống rượu, không có trách nhiệm với gia đình. Thời gian không sống chung hai gia đình cũng có hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được để về đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Nguyễn Hoàng Khánh Ng – sinh ngày 16/4/2013. Hiện nay cháu đang ở với anh H. Khi chị về nhà ngoại sống anh H không cho chị mang con đi cùng, anh H đe chị mang con theo anh H giết chị, chính vì vậy chị không mang con theo. Khi ly hôn chị V đồng ý giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị V đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng (một) triệu đồng cho đến khi cháu Ng thành niên.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh không đến Tòa án làm việc và không có bản khai, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị V.

Người làm chứng: bà Dương Thị H khai: bà là mẹ đẻ anh H, chị V là con dâu của bà, bà cho biết sau kết hôn vợ chồng anh H và chị V về chung sống ở căn nhà cạnh nhà của bà. Từ tháng 01/2018 chị V đã xin bà về nhà mẹ đẻ của chị V sống đến nay, khoảng từ tháng 01/2018 anh H, chị V không sống chung với nhau, không quan tâm tới nhau. Theo bà H thì vợ chồng H và V không thể về đoàn tụ được. Hai gia đình đã hòa giải nhưng chị V không đồng ý về sống với anh H. Các văn bản tố tụng Tòa án tổng đạt cho anh H, bà có nhận thay và đã giao lại cho anh H nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành pháp luật;
Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Hoàng Thái Tường V, chị chị V và anh H ly hôn. Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Chị Phan Hoàng Thái Tường V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H, nên đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Quốc H cư trú tại ấp Tr H Đ, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Quốc H:

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Chị V và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2012 tại UBND xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9; Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.1] xét yêu cầu ly hôn của chị Vi thì thấy:

Trong quá trình chung sống, theo chị V vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, từ tháng 02/2018 cho đến nay vợ chồng không sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Lời trình bày của chị V không được anh H thừa nhận nhưng phù hợp với lời khai của người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của chị V là có căn cứ, mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ ngày thụ lý vụ án Tòa án cũng nhiều lần triệu tập anh H đến để làm việc nhưng anh H vắng mặt, Tòa án thông báo triệu tập anh H đến để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh H không đến. Từ đó cho thấy anh H cũng không có thiện chí để hàn gắn gia đình.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V, xử cho chị V và anh H ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: chị V và anh H có một con chung Nguyễn Hoàng Khánh Ng – sinh ngày 16/4/2013, hiện nay cháu đang được anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn chị V đồng ý giao cháu Ng cho anh H nuôi dưỡng xét nhằm ổn định cuộc sống của con trẻ cần giao con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: khi ly hôn chị V không trực tiếp nuôi con chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Ng thành niên xét cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản: Chị V, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét chị V là nguyên đơn phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 9,11,12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 51; 56; 81; 82; 83; 107;110;116;117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Hoàng Thái Tường V.

Về hôn nhân: Chị Phan Hoàng Thái Tường V và anh Nguyễn Quốc H được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Khánh Ng – sinh ngày 16/4/2013 cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phan Hoàng Thái Tường V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu) đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi ly hôn chị V có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con....

Về tài sản: Chị V, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Hoàng Thái Tường V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tại biên lai số 008557 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai sang nộp án phí. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Chị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã X Th;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang phúc